

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tư và bà Vũ Thị Nữ

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2019/QĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐ-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Quang M**, sinh năm: 1979 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 3, Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Thủy T**, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 3, Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Quang M trình bày: Ông và bà Bùi Thị Thủy T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2002 tại UBND thị trấn Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Từ năm 2012, ông và bà T sống ly thân. Hiện nay, tình cảm không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tiên.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Văn Phi T, sinh ngày: 23/6/2004. Cháu T hiện đang sống với ông. Nếu được ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Bùi Thị Thủy T đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, nhưng không có mặt tại Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông M được ly hôn với bà T; Giao cháu Trọng cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng: Không xem xét; Tài sản chung, nợ chung không giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Ông M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Ông Trần Quang M khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với bà Bùi Thị Thủy T. Bà T đang cư trú tại khu phố 3, Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Theo xác minh, bà T hiện không có mặt tại địa phương. Tuy nhiên, bà T vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại khu phố 3, Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận. Khi đi khỏi nơi cư trú, bà không khai báo với chính quyền địa phương, do đó, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn giải quyết theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa, bà T vắng mặt xét xử lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Tiên.

[2] Về hôn nhân:

Ông Trần Quang M và bà Bùi Thị Thủy T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận vào ngày 28/12/2002 nên hôn nhân giữa ông M và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của vụ án, nhưng bà T không có mặt, không thể hiện thiện chí muốn hòa giải để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông M cũng khẳng định không còn tình cảm và quyết định muốn ly hôn với bà T. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông M và bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông M được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung:

Có 01 con chung là Trần Văn Phi T, sinh ngày: 23/6/2004. Do bà T vắng mặt nên các đương sự không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Cháu T hiện đang sống với ông M, đồng thời cháu Trọng có nguyện vọng sống với ông M, nên Hội đồng xét xử giao cháu Trọng cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M không yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Án phí: Ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bà Bùi Thị Thủy T.

1. Quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M được ly hôn với bà Bùi Thị Thủy T.

2. Con chung: Ông Trần Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn Phi T, sinh ngày: 23/6/2004.

Bà Bùi Thị Thủy T được quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, bà Bùi Thị Thủy T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Ông Trần Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 00024797 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Ông M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Tân Minh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương